

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 26-4-2022

*V/v “Tranh chấp quyền sử
dụng đất (con đường đi) và
tranh chấp về bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng ”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiên; ông Phạm Đình Bông.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun - Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:
Ông Tổng Mạnh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 209/2020/TLST – DS, ngày 22 tháng 12 năm 2020, về việc “Kiện tranh chấp về quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2022/QĐST-DS, ngày 23/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2022/QĐST-DS, ngày 07/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Long S, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn S2, bà Hứa Thị P.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

(các đương sự đều có mặt)

Người làm chứng: Ông Lộc Văn D, sinh năm 1960 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2020 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 15/12/2020), quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1 trình bày:

Năm 2015 ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1 mua thửa đất của ông Lộc Văn D (thôn S, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) thửa đất trồng có diện tích 6078 m² đất, có vị trí: Phía Đông giáp đường đất, phía Tây giáp khe suối, phía Nam giáp đất ông Hoàng Hữu Đ, phía Bắc giáp đất ông Dũng Văn N. Đến ngày 14/02/2017 thì ông B, bà S1 được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1. Khi mua đất thì không có con đường đi qua thửa đất của ông Hoàng Văn S2, bà Hứa Thị P. Đến năm 2016 gia đình ông S2, bà P tự ý đi giữa thửa đất nhà ông B, bà S1, do đó ông bà không đồng ý cho ông S2 và bà P đi qua nên đã trồng 21 cây cà phê năm 2016 và một số cây trồng khác trên con đường ông S2, bà P đi qua. Tại biên bản hòa giải ở UBND xã N, huyện K ông B, bà S1 đồng ý sẽ để cho ông S2, bà P 01 con đường chiều rộng 03 m phía Bắc giáp thửa đất ông Dũng Văn N nhưng phải trả cho ông bà số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Tuy nhiên ông S2, bà P không đồng ý mà vẫn đi con đường giữa thửa đất của ông bà. Vì vậy ông bà khởi kiện yêu cầu ông S2, bà P trả lại con đường đi có diện tích 246 m², chiều rộng 03m, chiều dài 80m. Ngoài ra ông bà còn yêu cầu ông S2, bà P bồi thường 21 cây cà phê x 50.000 đồng/cây = 1.050.000 đồng và 20 cây muồng x 40.000 đồng/cây = 800.000 đồng, cây hoa màu có giá trị 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông B, bà S1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông bà chỉ yêu cầu ông Hoàng Văn S2, bà Hứa Thị P trả lại con đường giữa thửa đất cho ông B, bà S1 theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ có diện tích 195.5 m², có vị trí: Phía Đông có chiều rộng giáp đường đất là 2,42m, phía Tây giáp khe suối có chiều rộng 2.49m, Phía Nam giáp đất ông B, bà S1 có chiều dài 87.49 m, phía Bắc giáp đất ông B, bà S1 có chiều dài 87.77m. Ông bà đồng ý sẽ để cho ông S2, bà P 01 con đường chiều rộng 03 m phía Bắc giáp thửa đất ông Dũng Văn N và ông S2, bà P phải thanh toán cho ông bà giá trị 02 m theo giá thị trường, ông bà không tính tiền 01m. Ông bà giữ nguyên yêu cầu ông S2, bà P bồi thường 21 cây cà phê x 50.000 đồng/cây = 1.050.000 đồng. Ông bà rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bồi thường 20 cây muồng và hoa màu với tổng số tiền 1.800.000 đồng.

- Biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Hoàng Văn S2, bà Hứa Thị P trình bày:

Năm 1997 vợ chồng ông S2, bà P mua thửa đất của một người dân tộc M' Nông (không nhớ rõ họ và tên, địa chỉ ở đâu), thửa đất trồng có diện tích khoảng 01 ha đất, có vị trí: Một mặt giáp khe suối rồi mới tới giáp thửa đất ông Hoàng Văn B, một mặt giáp đất ông Hoàng Văn V, một mặt giáp đất ông Trương Văn M, một mặt giáp đất ông Lý Văn P với giá là 1.600.000 đồng. Từ khi ông S2, bà P mua đất thì ông S2, bà P vẫn đi con đường chiều rộng 2 mét, chiều dài khoảng 70 mét, đi bằng xe cộ (Xe

Trâu kéo) qua giữa thửa đất của ông Hoàng Văn B (Nguồn gốc ban đầu của ông Lý Văn C chuyển nhượng cho ông Triệu Văn P (không rõ địa chỉ), sau đó ông P chuyển nhượng cho ông Lộc Văn D và ông Lộc Văn D chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn B). Đến ngày 31/12/2007 thì thửa đất của ông S2, bà P được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 6, tờ bản đồ số 71, diện tích 9095 m² mang tên hộ ông Hoàng Văn S2, bà Hứa Thị P, thửa đất tọa lạc tại thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Đến năm 2016 khi gia đình ông B nhận chuyển nhượng của ông D thì không cho ông S2, bà P đi và trồng cây cà phê, cây muồng và cây hoa màu. Ông bà đã 03 lần nhổ cây trồng của ông B, ông bà vẫn đi con đường giữa thửa đất của ông B, bà S1.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1, ông bà chỉ đồng ý thanh toán giá trị quyền sử dụng đất là 11.540.000 đồng và bồi thường giá trị 21 cây cà phê với số tiền 1.050.000 đồng nếu ông B, bà S1 cho ông bà đi con đường giữa thửa đất theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ có diện tích 195.5 m² có tứ cận: Phía Đông có chiều rộng giáp đường đất là 2,42m, phía Tây giáp khe suối có chiều rộng 2.49m, Phía Nam giáp đất ông B, bà S1 có chiều dài 87.49m, phía Bắc giáp đất ông B, bà S1 có chiều dài 87.77m.

Ông bà không đồng ý đi 01 con đường chiều rộng 03 m phía Bắc giáp thửa đất ông Dũng Văn N đồng thời không đồng ý bồi thường giá trị 21 cây cà phê với số tiền 1.050.000 đồng.

- *Biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Lộc Văn D trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 56, diện tích 6078 m² đất, địa chỉ tại thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông là ông D mua của ông Triệu Văn P (ông P hiện đã đi đâu, không rõ địa chỉ). Khi ông P sang nhượng cho ông D thì thửa đất không có con đường đi nào nhưng ông S2, bà P vẫn đi qua giữa thửa đất nhà ông D mặc dù ông D không đồng ý. Tại thời điểm ông D mua đất ông P là chưa có bìa đỏ, sau khi ông D sang nhượng cho ông B bằng giấy viết tay thì ông B đi kê khai và ông B đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Những tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được: Ngày 15/4/2021, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 45542, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03088, được UBND huyện K cấp ngày 14/02/2017, thửa đất số 1, tờ bản đồ 56, diện tích 6078 m², tọa lạc tại thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông mang tên ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện trên thửa đất có 01 con đường đi có diện tích 195.5 m², có tứ cận: Phía Đông có chiều rộng giáp đường đất là 2,42m, phía Tây giáp khe suối có chiều rộng 2.49m, Phía Nam giáp đất ông B, bà S1 có chiều dài 87.49m, phía Bắc giáp đất ông B, bà S1 có chiều dài 87.77m, trên con đường này không có tài sản gì.

Tại kết quả xác minh ngày 15/6/2021 tại UBND xã N, huyện K cho biết qua đối chiếu trên bản đồ giải thửa trong thửa đất có diện tích 6078 m² thửa số 1 của ông

Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1 không có con đường đi. Hiện nay thửa số 01 do ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1 đang quản lý sử dụng còn thực tế trong thửa đất rẫy có đường đi là do người dân tự mở.

Tại kết quả xác minh ngày 15/6/2021 tại UBND xã L, huyện Đ cho biết qua đối chiếu trên bản đồ giải thửa trong thửa đất số 06, tờ bản đồ 71 của ông Hoàng Văn S2, bà Hứa Thị P không thể hiện có con đường đi.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Hoàng Văn S2, bà Hứa Thị P trả lại con đường giữa rẫy có diện tích 195.5 m² (chiều ngang giáp đường đất là 2,42m, chiều ngang giáp khe suối là 2.49m, chiều dài 87.77m) và bồi thường thiệt hại về tài sản 21 cây cà phê, trị giá 1.050.000 đồng. Quan hệ pháp luật ban đầu được xác định là “Tranh chấp về quyền sử dụng đất (con đường đi). Nay bổ sung thêm quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” được quy định tại khoản 6, khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Hoàng Văn S2, bà Hứa Thị P là bị đơn, trú tại thôn Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nhưng tranh chấp con đường đi tại thửa đất thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Nguyên đơn cam kết lựa chọn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Krông Nô để yêu cầu giải quyết tranh chấp. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Lời khai tại phiên tòa của các đương sự thể hiện năm 2016 ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1 trồng 21 cây cà phê trên diện tích tranh chấp (con đường đi) được ông Hoàng Văn S2, bà Hứa Thị P thừa nhận đã phá bỏ. Tuy nhiên do các đương sự không yêu cầu tính thời hiệu. Do vậy không vi phạm thời hiệu

khởi kiện quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 588 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1.]. Xét yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại con đường đi:

Lời khai của ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1 và ông Lộc Văn D thể hiện quyền sử dụng đất của gia đình ông B có nguồn gốc ban đầu của ông Lý Văn C chuyển nhượng cho ông Triệu Văn P (thôn Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông), sau đó ông P chuyển nhượng cho ông Lộc Văn D và ông Lộc Văn D chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn B. Quá trình nhận chuyển nhượng và sử dụng đất thì không có con đường nào trên thửa đất này. Việc ông Hoàng Văn S2 và bà Hứa Thị P đi qua là do ông bà tự ý đi, không được sự đồng ý của ông D, ông B, bà S1. Lời khai của các đương sự phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/4/2021, phù hợp với kết quả xác minh ngày 15/6/2021 tại UBND xã N, huyện K, phù hợp với xác minh ngày 15/6/2021 tại UBND xã L, huyện Đ và qua đối chiếu trên bản đồ giải thửa thì thửa đất số 1, tờ bản đồ 56, diện tích 6078 m², tọa lạc tại thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông được cấp cho ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1 không có con đường đi. Vì vậy yêu cầu của ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1 yêu cầu ông Hoàng Văn S2 và bà Hứa Thị P phải trả lại con đường giữa thửa đất cho ông B, bà S1 theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ có diện tích 195.5 m², có tứ cận: Phía Đông có chiều rộng giáp đường đất là 2,42m, phía Tây giáp khe suối có chiều rộng 2.49m, Phía Nam giáp đất ông B, bà S1 có chiều dài 87.49m, phía Bắc giáp đất ông B, bà S1 có chiều dài 87.77m là có cơ sở nên cần căn cứ Điều 100, Điều 203 của Luật đất đai; Điều 503 của Bộ luật dân sự để chấp nhận.

[2.2]. Tại biên bản hòa giải ngày 20/8/2019 của Ủy ban nhân dân xã N, các ý kiến của thành phần ban hòa giải cũng như ý kiến của các đương sự đã kết luận: Căn cứ vào hồ sơ địa chính, qua kết quả kiểm tra xác minh tại thực địa việc ông Hoàng Văn S2 sử dụng thửa đất của ông Hoàng Văn B để làm đường đi là sai, không được sự thống nhất của ông Hoàng Văn B. Việc làm đơn kiến nghị của ông Hoàng Văn B liên quan đến tranh chấp đất đai là có cơ sở pháp lý, UBND xã N đã hướng cho các bên hòa giải theo ý của ông B là đồng ý để 01 con đường 03 m chiều ngang thẳng đến cuối rẫy phía Bắc giáp ranh đất ông Dũng Văn N là có tình, có lý.

Tại Điều 254 của Bộ luật dân sự quy định: *“Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ. Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.”*. Như vậy ông S2, bà P có quyền yêu cầu ông B, bà S1 để cho mình lối đi phù hợp được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất. Tại phiên tòa, ông B, bà S1 vẫn đồng ý sẽ để cho ông S2, bà P 01 con đường

chiều rộng 03 m phía Bắc giáp thửa đất ông Dừng Văn N và ông S2, bà P phải thanh toán cho ông bà giá trị 02 m theo giá thị trường, ông bà không tính tiền 01 m. Hội đồng xét xử xét thấy qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì việc ông B, bà S1 mở cho ông S2, bà P 01 con đường chiều rộng 03 m phía Bắc giáp thửa đất ông Dừng Văn N là phù hợp, thuận tiện nhất cho ông S2, bà P đồng thời thiệt hại gây ra cho ông B, bà S1 là ít nhất. Tuy nhiên ông S2, bà P không đồng ý, không có yêu cầu phản tố, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Xét yêu cầu bồi thường giá trị 21 cây cà phê x 50.000 đồng/cây = 1.050.000 đồng.

Tại Biên bản xác minh tại phòng Tài chính kế hoạch huyện K cho biết cây cà phê trồng mới và chăm sóc dưới 12 tháng tại thời điểm xét xử có loại A có giá 69.400 đồng/1cây; Loại B có giá 55.500 đồng/1 cây; Loại C có giá 38.000 đồng/1 cây. Tại phiên tòa, ông B, bà S1 trình bày năm 2016 ông bà trồng cây cà phê, cây muồng, cây hoa màu trên diện tích con đường có tranh chấp nhưng khi trồng lên thì ông S2, bà P nhổ bỏ đi. Lời khai của ông S2, bà P cũng thừa nhận đã 03 lần phá bỏ cây trồng của ông B, bà S1 trong đó có 21 cây cà phê, cây muồng và cây hoa màu. Do đó ông B, bà S1 yêu cầu bồi thường 1 cây 50.000 đồng là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần buộc ông Hoàng Văn S2, bà Hứa Thị P bồi thường 21 cây cà phê x 50.000 đồng/cây = 1.050.000 đồng.

[2.4]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1 rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 1.800.000 đồng đối với cây muồng và hoa màu. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Nguyên đơn về yêu cầu bị đơn bồi thường cây muồng và hoa màu số tiền 1.800.000 đồng. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[4]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng khác: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.675.000 đồng. Ông Hoàng Văn S2, bà Hứa Thị P phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.675.000 và trả cho ông B, bà S1 số tiền là 9.675.000 đồng mà ông B đã tạm ứng chi phí thẩm định giá tài sản tại Tòa án.

[6]. Về án phí : Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm về bồi thường thiệt hại 21 cây cà phê giá 1.050.000 đồng (*dưới 6.000.000 đồng*) là 300.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Vì vậy bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Nguyên đơn ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 6, 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 184, Điều 227, Điều 235, Điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 503, Điều 558, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Điều 688 Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1.

1.1. Buộc ông Hoàng Văn S2, bà Hứa Thị P trả lại 01 con đường đi có diện tích 195.5 m², có tứ cận: Phía Đông có chiều rộng giáp đường đất là 2,42m, phía Tây giáp khe suối có chiều rộng 2.49m, Phía Nam giáp đất ông B, bà S1 có chiều dài 87.49 m, phía Bắc giáp đất ông B, bà S1 có chiều dài 87.77m thuộc quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 45542, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03088, được UBND huyện K cấp ngày 14/02/2017, thửa đất số 1, tờ bản đồ 56, diện tích 6078 m², tọa lạc tại thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông mang tên ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1.

1.2. Buộc ông Hoàng Văn S2, bà Hứa Thị P bồi thường thiệt hại cho ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1 giá trị của 21 cây cà phê x 50.000 đồng/cây = 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

1.3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường cây muồng và hoa màu với số tiền 1.800.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu, nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông Hoàng Văn S2, bà Hứa Thị P phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 9.675.000 đồng và có nghĩa vụ thanh toán cho ông B, bà S1 số tiền là 9.675.000 đồng mà ông B, bà S1 đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại Tòa án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Hoàng Văn S2, bà Hứa Thị P phải chịu 600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị S1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004013, ngày 15/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

5. Về kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Krông Nô (02bản);
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi